

Số: 97/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 08/8/2023
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hoàng Vũ

Bà Trần Thị Hiến

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Gia Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 08 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 258/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 04 năm 2023 về việc “**Ly hôn**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2023/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 07 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 78/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 07 năm 2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Lưu Thị Ngọc D, sinh năm 1986

Địa chỉ: Tổ 6 thôn P, xã V thành phố N, tỉnh K. Có mặt.

* Bị đơn: Ông Phạm Ph, sinh năm 1965

Địa chỉ: Thôn 2 xã N thị xã N, tỉnh K. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 10/4/2023, bản tự khai ngày 05/5/2023, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn Lưu Thị Ngọc D trình bày:

Bà D và ông Ph tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thạnh, thành phố Nha Trang. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp tính tình, không tìm được tiếng nói chung nên giữa bà D và ông Ph thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Bà D và ông Ph không sống cùng nhau từ năm 2012 đến nay. Hiện nay tình cảm không còn nên bà D yêu cầu ly hôn với ông Ph.

Về con chung: Bà D và ông Ph có 02 con chung là Phạm Ngọc H, sinh ngày 02/9/2005 và Phạm Ngọc P, sinh ngày 15/9/2007. Hiện nay cháu H và cháu

P đang được ông Ph trực tiếp nuôi dưỡng, bà D đang thuê nhà, không có công việc ổn định nên bà D xin giao cháu H và cháu P cho ông Ph tiếp tục nuôi dưỡng. Bà D tự nguyện cấp dưỡng nuôi 2 con chung mỗi tháng 1.000.000đồng (mỗi cháu mỗi tháng 500.000đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 08/2023 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Phạm Ph: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thị xã N đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông Ph được biết và trong quá trình giải quyết vụ án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Ph vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai cũng như không thể tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Tòa án nhân dân thị xã N thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng thẩm quyền, có căn cứ, đúng pháp luật. Việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự đúng quy định. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử thẩm tra, xem xét công khai tại phiên tòa. Về nội dung vụ án, xét mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: Giao cháu **Phạm Ngọc H**, sinh ngày 02/9/2005 và **Phạm Ngọc P**, sinh ngày 15/9/2007 cho ông **Phạm Ph trực tiếp nuôi dưỡng**, Lưu Thị Ngọc D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 2 con chung mỗi tháng 1.000.000đồng (mỗi cháu mỗi tháng 500.000đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 08/2023 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Bà D không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết; quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Phạm Ph đã được Tòa án thông báo hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa ngày 20/7/2023 ông Ph đã không có mặt, Tòa án đã hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa ngày 08/8/2023 ông Ph tiếp tục vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Lưu Thị Ngọc D khởi kiện bị đơn ông Phạm Ph địa chỉ tại Thôn 2, xã Ninh Sơn, thị xã N về việc “Ly hôn” là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thị xã N theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lưu Thị Ngọc D và ông Phạm Ph kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 83 ngày 07/12/2007. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của bà D thì quá trình chung sống, vợ chồng bà D và ông Ph không hạnh Ph, phát sinh nhiều mâu thuẫn do không cùng quan điểm sống làm ảnh hưởng đến hạnh Ph gia đình. Tại phiên tòa, bà D vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Ph vì không còn tình nghĩa vợ chồng, không ai còn quan tâm, chăm sóc đến ai. Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Ph đến Tòa án để làm việc và ghi nhận ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của bà D nhưng đến thời điểm này ông Ph vẫn vắng mặt không có lý do cho thấy ông Ph đã không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa ông và bà D. Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định, tình trạng hôn nhân giữa bà D và ông Ph đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nếu cứ tiếp tục duy trì cuộc sống gia đình thì cũng không đem lại hạnh Ph cho đôi bên nên yêu cầu ly hôn của bà D là chính đáng, có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Lưu Thị Ngọc D đối với ông Phạm Ph.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng bà D và ông Ph có hai con chung là cháu **Phạm Ngọc H, sinh ngày 02/9/2005 và Phạm Ngọc P, sinh ngày 15/9/2007.** Bà D có nguyện vọng giao cháu H và cháu P cho ông Ph nuôi dưỡng vì ông Ph có nhà cửa, có khả năng và điều kiện tốt để chăm sóc các cháu. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ trước đến năm 2011 cháu H và cháu P sống chung với bà D, ông Ph và được bà D và ông Ph trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, nhưng từ thời điểm năm 2012 bà D đi nơi khác sinh sống, ông Ph là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu H và cháu P. Tòa án đã phối hợp với chính quyền địa P nhiều lần đến nhà ông Ph lấy lời khai ghi nhận ý kiến ông Ph về con chung và lấy lời khai cháu **Phạm Ngọc H và Phạm Ngọc P về nguyện vọng các cháu muốn sinh sống cùng ai trong trường hợp tòa án giải quyết bà D và ông Ph ly hôn** nhưng khi đến nhà ông Ph, cháu H và cháu P không có ở nhà nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai được. Tuy nhiên, tại biên bản xác minh ngày 16/5/2023 của Tòa án nhân dân thị xã N thể hiện từ thời điểm bà D và ông Ph không còn chung sống cùng nhau (bắt đầu từ năm 2012) thì cháu H và cháu P sinh sống cùng với ông Ph cho đến nay, được ông Ph chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Hiện nay, cháu H và cháu P đang sinh sống ổn định cùng ông Ph, được ông Ph chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, đồng thời ông Ph có nhà cửa, có công việc ổn định trong khi đó bà D đang thuê nhà ở, không có công việc, không có thu nhập ổn định nên để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cháu H và cháu P Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu **Phạm Ngọc H, sinh ngày 02/9/2005 và Phạm Ngọc P, sinh ngày 15/9/2007** cho ông Ph trực tiếp nuôi

đường là phù hợp với điều kiện thực tế cuộc sống hiện nay của các bên, của con chung và với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa bà Lưu Thị Ngọc D tự nguyện cấp dưỡng nuôi 2 con chung mỗi tháng 1.000.000đồng (mỗi cháu mỗi tháng 500.000đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 08/2023 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi nên buộc bà Lưu Thị Ngọc D có nghĩa vụ cấp cấp dưỡng nuôi 2 con chung mỗi tháng 1.000.000đồng (mỗi cháu mỗi tháng 500.000đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 08/2023 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lưu Thị Ngọc D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Lưu Thị Ngọc D phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con chung.

[7] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 28, khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 271, và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lưu Thị Ngọc D.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lưu Thị Ngọc D được ly hôn với ông Phạm Ph.

2. Về con chung: Giao cho ông Phạm Ph trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung là **Phạm Ngọc H, sinh ngày 02/9/2005 và Phạm Ngọc P, sinh ngày 15/9/2007** đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Lưu Thị Ngọc D có nghĩa vụ cấp cấp dưỡng nuôi 2 con chung mỗi tháng 1.000.000đồng (mỗi cháu mỗi tháng 500.000đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 08/2023 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, bà Lưu Thị Ngọc D và ông Phạm Ph có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Quy định: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

2. Về án phí: Bà Lưu Thị Ngọc D phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0000876 ngày 11/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã N. Bà D phải nộp thêm 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết .

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thủy